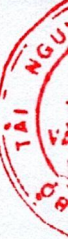


**THÔNG BÁO**

**Công khai cam kết chất lượng đào tạo của Khoa Trắc địa, Bản đồ và Thông tin địa lý,  
Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP.HCM năm học 2024 - 2025.**

Ngành: Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo: Đại học
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p><b>-Mục tiêu chung</b></p> <p>Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực trắc địa- bản đồ, viễn thám phục vụ cho sự phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt ngành tài nguyên môi trường; có phẩm chất chính trị, lập trường tư tưởng, hiểu biết pháp luật và lý tưởng sống tốt đẹp.</p> <p>Người học được trang bị kiến thức nền tảng, kiến thức chuyên sâu về cơ sở ngành, chuyên ngành nhằm phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu, quản lý và giải quyết các vấn đề chuyên môn bằng các công cụ hiện đại, có khả năng thích nghi với sự thay đổi môi trường làm việc, đáp ứng yêu cầu của xã hội trong quá trình hội nhập quốc tế và có khả năng tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.</p> <p><b>- Mục tiêu cụ thể</b></p> <p>+ Hệ thống kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và pháp luật đại cương phù hợp với ngành Trắc địa- Bản đồ.</p> <p>+ Hệ thống các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và quản lý phù hợp với ngành trắc địa- bản đồ, kiến thức cơ bản về khoa học trái đất và địa lý.</p> <p>+ Kiến thức chuyên sâu về trắc địa- bản đồ, viễn thám, GIS.</p> <p>+ Thực hành thành thạo các nghiệp vụ về trắc địa, bản đồ, viễn thám và GIS như: thành lập bản đồ, ứng dụng công tác trắc địa trong công trình, xử lý số liệu, ứng dụng viễn thám và GIS trong phát triển kinh tế xã hội.</p> <p>+ Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng, xử lý và khai thác cơ sở dữ liệu không gian và các phần mềm ứng dụng khác đáp ứng được nhu cầu công việc trong thời đại mới.</p> <p>+ Kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học. Có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong các hoàn cảnh thực tế khác nhau.</p>



STT	Nội dung	Trình độ đào tạo: Đại học
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp, học tập, nghiên cứu và làm việc.</li> <li>+ Có tinh thần tự học, học tập nâng cao trình độ chuyên môn.</li> <li>+ Có đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần chịu trách nhiệm trước tập thể trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.</li> <li>+ Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động trắc địa, bản đồ, viễn thám và GIS.</li> </ul>
III	<p>Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy.</li> </ul> <p>Về cơ sở vật chất của Nhà trường hoàn toàn đáp ứng yêu cầu đào tạo của chuyên ngành. Với số lượng phòng học, phòng thực hành – thí nghiệm hiện tại đã đáp ứng được quy mô đào tạo, cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo với tổng số 50 phòng học với diện tích 4.050 m<sup>2</sup> đủ chỗ cho trên 7.000 sinh viên, 7 phòng chức năng đảm nhận vai trò hỗ trợ công tác đào tạo.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng thực hành CNTT, phòng thực hành ngoại ngữ với các trang thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập.</li> <li>- Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành.</li> <li>- Phòng máy thực hành trắc địa: Leica 6 cái, penntax 18; thủy bình quang cơ 15 cái; Thủy bình điện tử Sprinter 250M 8 cái, GPS 1 tần số 3 cái, GPS cầm tay 10 cái.</li> <li>- Thông tin thư viện</li> </ul> <p>+ Hai thư viện của Trường tại 2 cơ sở có diện tích 400m với 1.000 đầu sách. Từ năm 2011, Nhà trường đang triển khai dự án Thư viện điện tử.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Số chỗ ngồi: 45; số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 40 máy.</li> <li>+ Phần mềm quản lý thư viện: Libol 6.0S.</li> <li>+ Số lượng sách: 22.249 bản tài liệu, tương ứng với 3.740 nhan đề.</li> <li>+ Số tài liệu điện tử đang có tại thư viện trường là 1.495 tệp (pdf) (tương ứng với 1.495 tên tài liệu).</li> <li>- Cơ sở dữ liệu trực tuyến: Tiếng Việt: 2 bản Tiếng Anh: 04 bản</li> </ul>
IV	<p>Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện</p>	<p>Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ bao gồm 2 khối kiến thức:</p> <p>a. Kiến thức giáo dục đại cương:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kiến thức giáo dục đại cương bao gồm Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Thể chất: 40 tín chỉ.</li> </ul>

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo: Đại học
		<p>+ Kiến thức giáo dục đại cương không bao gồm Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Thể chất: 29 tín chỉ.</p> <p>b. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 124 tín chỉ.</p> <p>- Kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành: 110 tín chỉ.</p> <p>+ Bắt buộc: 106 tín chỉ.</p> <p>+ Tự chọn: 4/15 tín chỉ (4 tín chỉ tự chọn để học trong tổng số 15 tín chỉ tự chọn).</p> <p>- Kiến thức tốt nghiệp: 14 TC.</p> <p>+ Thực tập tốt nghiệp: 6 TC.</p> <p>+ Khóa luận / Đồ án tốt nghiệp: 8 TC.</p> <p><b>Tổng khối lượng: 153 TC (không tính các học phần GDTC, QPAN).</b></p> <p><b>Tổng khối lượng: 164 TC (tính cả các học phần GDTC, QPAN).</b></p>
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có đủ trình độ tham gia các chương trình đào tạo bậc sau đại học của các trường đại học trong và ngoài nước.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<p>- Các cơ quan quản lý, sản xuất nhà nước về đo đạc bản đồ như Cục đo đạc bản đồ, công ti TNMT miền Bắc, Miền Nam, công ti Trắc địa bản đồ Bộ Tổng tham mưu;</p> <p>- Làm việc tại các cơ quan quản lý Nhà nước thuộc Bộ, Sở, chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, các trung tâm đo đạc thuộc các sở TNMT;</p> <p>- Làm việc và nghiên cứu tại các trường Đại học, Cao đẳng, các viện nghiên cứu về lĩnh vực Trắc địa bản đồ.</p> <p>- Làm việc tại các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân trong lĩnh vực xây dựng, giao thông vận tải, các công ty tư vấn, các Ban quản lý dự án... thuộc các Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, giao thông vận tải, xây dựng, Bộ năng lượng, Than và khoáng sản, ...</p>

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo: Đại học
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.
II	Mục tiêu Kiến thức, kỹ năng, thái độ, và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p><b>- Mục tiêu chung:</b></p> <p>+ Người kỹ sư chuyên ngành Quản lý đô thị và công trình phải có phẩm chất chính trị tốt, nắm vững và thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Có trình độ ngoại ngữ tốt, có kiến thức chuyên môn vững vàng, nắm bắt và giải quyết được các vấn đề khoa học công nghệ do thực tiễn đặt ra; Có tiềm năng để nắm bắt những tiến bộ khoa học hiện đại của thế giới, áp dụng vào các điều kiện thực tế của đất nước, góp phần đưa khoa học công nghệ quản lý đô thị đạt được trình độ ngang bằng hoặc hơn các nước trong khu vực và trên thế giới.</p> <p>+ Quản lý Đô thị và công trình hướng đến chức năng đào tạo đội ngũ nhân lực có năng lực và trình độ thực thi công vụ và nghiệp vụ có tính chuyên nghiệp, bao gồm năng lực tư duy và năng lực triển khai công việc về quản lý đô thị. Kỹ sư chuyên ngành quản lý đô thị và công trình sẽ đảm nhận được vai trò quản lý kỹ thuật trong lĩnh vực quy hoạch kiến trúc và hạ tầng đô thị. Vì vậy, ngành quản lý đô thị và công trình được xây dựng và đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội, nhất là bối cảnh phát triển đô thị của đất nước hiện nay.</p> <p><b>- Mục tiêu cụ thể:</b></p> <p>+ Hệ thống kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và pháp luật đại cương phù hợp với ngành Quản lý đô thị và công trình.</p> <p>+ Hệ thống kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên phù hợp với ngành Quản lý đô thị và công trình.</p> <p>+ Kiến thức cơ bản về cơ sở ngành, biết vận dụng chúng để hình thành các kiến thức và kỹ năng của chuyên ngành được đào tạo, bao gồm các kiến thức về kinh tế, kiến trúc, môi trường, kỹ thuật... làm nền tảng cho ngành học.</p> <p>+ Kiến thức chuyên môn về chuyên ngành gắn liền lý thuyết với thực tiễn về hệ thống kỹ thuật hạ tầng đô thị, kỹ năng quản lý kỹ thuật hạ tầng đô thị và ứng dụng các phần mềm, phương tiện, công cụ hiện đại vào quản lý kỹ thuật hạ tầng đô thị.</p> <p>+ Kỹ sư chuyên ngành Quản lý Đô thị được đào tạo theo hướng chuyên nghiệp hóa với các kỹ năng thực hành để đáp ứng nhu cầu</p>

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo: Đại học
		<p>của thị trường lao động gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kỹ năng sử dụng thành thạo Công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý hệ thống kỹ thuật hạ tầng đô thị.</li> <li>+ Kỹ năng sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp, học tập, nghiên cứu và làm việc. Kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.</li> <li>+ Thái độ, hành vi: Có đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần chịu trách nhiệm trước tập thể trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong các hoàn cảnh thực tế khác nhau và tinh thần tự học, học tập nâng cao trình độ ở các mức cao hơn. Có khả năng đảm nhiệm công tác chuyên môn, nghiệp vụ thuộc các lĩnh vực của ngành Quản lý đô thị và công trình.</li> <li>+ Trình độ ngoại ngữ: Sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp, nghiên cứu và làm việc.</li> </ul>
III	<p>Các chính sách học tập, hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy.</li> </ul> <p>Về cơ sở vật chất của Nhà trường hoàn toàn đáp ứng yêu cầu đào tạo của chuyên ngành. Với số lượng phòng học, phòng thực hành – thí nghiệm hiện tại đã đáp ứng được quy mô đào tạo, cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo với tổng số 50 phòng học với diện tích 4.050 m<sup>2</sup> đủ chỗ cho trên 7.000 sinh viên, 7 phòng chức năng đảm nhận vai trò hỗ trợ công tác đào tạo.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng thực hành CNTT, phòng thực hành ngoại ngữ với các trang thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập.</li> <li>- Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành.</li> <li>- Thông tin thư viện</li> </ul> <p>+ Hai thư viện của Trường tại 2 cơ sở có diện tích 400m với 1.000 đầu sách. Từ năm 2011, Nhà trường đang triển khai dự án Thư viện điện tử.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Số chỗ ngồi: 45; số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 40 máy.</li> <li>+ Phần mềm quản lý thư viện: Libol 6.0S.</li> <li>+ Số lượng sách: 22.249 bản tài liệu, tương ứng với 3.740 nhan đề.</li> <li>+ Số tài liệu điện tử đang có tại thư viện trường là 1.495 tệp (pdf) (tương ứng với 1.495 tên tài liệu).</li> <li>- Cơ sở dữ liệu trực tuyến: Tiếng Việt: 2 bản, Tiếng Anh: 04 bản</li> </ul>


VA  
 ƯƠNG  
 NH HỌC  
 NGU TẾ  
 TRUỒ  
 2011

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo: Đại học
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<p>Chương trình đào tạo ngành Quản lý đô thị và công trình bao gồm 2 khối kiến thức:</p> <p>a. Kiến thức giáo dục đại cương:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kiến thức giáo dục đại cương bao gồm Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Thể chất: 42 tín chỉ.</li> <li>+ Kiến thức giáo dục đại cương không bao gồm Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Thể chất: 31 tín chỉ.</li> <li>+ Bắt buộc: 39 tín chỉ.</li> <li>+ Tự chọn: 3/5 tín chỉ (3 tín chỉ tự chọn để học trong tổng số 5 tín chỉ tự chọn).</li> </ul> <p>b. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 124 tín chỉ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức nhóm ngành, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành: 106 tín chỉ.</li> <li>+ Bắt buộc: 97 tín chỉ.</li> <li>+ Tự chọn: 9/24 tín chỉ (9 tín chỉ tự chọn để học trong tổng số 24 tín chỉ tự chọn).</li> <li>- Kiến thức tốt nghiệp: 18 TC.</li> <li>+ Thực tập tốt nghiệp: 8 TC.</li> <li>+ Khóa luận / Đồ án tốt nghiệp: 10 TC.</li> </ul> <p><b>Tổng khối lượng: 155 TC (không tính các học phần GDTC, QPAN).</b>  <b>Tổng khối lượng: 166 TC (tính cả các học phần GDTC, QPAN).</b></p>
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có năng lực độc lập suy nghĩ, sáng tạo, có thể tiếp tục tự học nhằm không ngừng nâng cao trình độ, có thể tham gia nghiên cứu khoa học tùy theo điều kiện cụ thể.</li> <li>- Kỹ sư chuyên ngành Quản lý đô thị và công trình có thể tìm học bổng nước ngoài liên quan đến các ngành: Quy hoạch và phát triển đô thị, Quản lý hạ tầng đô thị, Quản lý cấp thoát nước đô thị, Quản lý giao thông đô thị, Quản lý môi trường đô thị, Quản lý công trình đô thị...</li> </ul>
VI	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp	<p>Chương trình đào tạo ngành Quản lý đô thị và công trình, trình độ đại học trang bị cho sinh viên tốt nghiệp năng lực để đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động, sau khi ra trường sinh viên có thể làm việc tại:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ sư chuyên ngành quản lý đô thị và công trình có thể làm việc trong các tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức nhân dân, các doanh nghiệp nhà nước, tư nhân và nước ngoài; các tổ chức phát triển quốc tế; các tổ chức phi chính phủ quốc tế và địa phương.</li> </ul>

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo: Đại học
		<p>- Các công việc cụ thể có thể đảm nhận như sau: Quy hoạch và phát triển đô thị; Quản lý hạ tầng đô thị; Quản lý cấp thoát nước đô thị; Quản lý giao thông đô thị; Quản lý môi trường đô thị; Quản lý công trình đô thị; Giảng dạy và nghiên cứu ở các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu có liên quan đến kỹ thuật hạ tầng đô thị và công trình đô thị.</p>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2024

**KI. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Lê Hoàng Nghiêm**

